

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 4 NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		945,120,913,777	1,470,368,485,756
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	74,325,019,151	372,600,229,370
1 Tiền	111		69,325,019,151	56,096,146,037
2 Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	316,504,083,333
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51,066,047,075	61,741,580,440
1 Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	142,758,654,627	141,722,199,042
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(91,692,607,552)	(79,980,618,602)
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		789,417,995,862	1,011,889,086,638
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	355,071,105,482	300,047,041,553
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	55,482,460,054	101,925,018,727
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	68,730,000,000	27,400,000,000
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	317,229,915,704	589,310,820,668
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(7,095,485,378)	(6,793,794,310)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		13,810,146,877	14,111,209,966
1 Hàng tồn kho	141	V.8	13,810,146,877	14,111,209,966
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		16,501,704,812	10,026,379,342
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2,580,391,384	1,940,905,830
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9,041,885,899	3,356,747,537
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	4,879,427,529	4,728,725,975
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5,508,443,443,292	4,740,628,280,233
I Các khoản phải thu dài hạn	210		90,110,643,300	89,275,632,500
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4 Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6 Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	90,110,643,300	89,275,632,500
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II Tài sản cố định	220		360,417,687,700	396,628,165,366
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	308,260,716,778	366,509,675,436
- Nguyên giá	222		682,880,538,948	1,008,388,933,784
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(374,619,822,170)	(641,879,258,348)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	49,233,168,697	26,831,696,565
- Nguyên giá	225		61,557,635,228	31,462,733,435
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(12,324,466,531)	(4,631,036,870)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.12	2,923,802,225	3,286,793,365
- Nguyên giá	228		11,479,612,753	11,458,486,153
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8,555,810,528)	(8,171,692,788)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		42,170,700,038	41,269,071,840
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	42,170,700,038	41,269,071,840
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		4,979,680,330,419	4,186,153,177,271
1 Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	3,483,957,013,178	2,858,478,249,428
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1,528,031,495,376	1,240,186,255,376
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	326,872,332,000	326,872,332,000
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(359,180,510,135)	(239,383,659,533)
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		36,064,081,835	27,302,233,256
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	22,899,023,017	15,018,155,490
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	13,165,058,818	12,284,077,766
3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6,453,564,357,069	6,210,996,765,989

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,045,310,076,277	1,652,215,947,732
I Nợ ngắn hạn	310		893,593,323,889	673,754,218,810
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	69,872,399,025	76,767,735,737
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	15,613,481,003	8,330,376,271
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	7,186,475,405	721,196,738
4 Phải trả người lao động	314	V.18	23,645,500,704	19,125,674,880
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	231,600,019,673	162,206,155,736
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	88,312,092,564	52,295,738,531
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	381,479,336,913	282,155,810,640
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	60,556,926,093	59,783,861,859
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	15,327,092,509	12,367,668,418
13 Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II Nợ dài hạn	330		1,151,716,752,388	978,461,728,922
1 Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2 Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3 Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4 Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5 Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	494,293,047	543,506,515
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	1,141,755,342,478	967,058,882,476
9 Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10 Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	9,467,116,863	10,859,339,931
12 Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

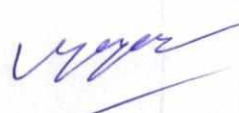
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4,408,254,280,792	4,558,780,818,257
I Vốn chủ sở hữu	410		4,408,254,280,792	4,558,780,818,257
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	1,794,322,810,000	1,196,219,940,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,794,322,810,000	1,196,219,940,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	1,873,371,604,400	2,471,474,474,400
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.25	69,388,382,902	69,388,382,902
5 Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.25	(346,750,858)	(432,646,448)
8 Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	72,682,100,796	52,564,113,317
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.25	69,568,035,889	49,450,048,410
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	529,268,097,663	720,116,505,676
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		376,548,907,213	564,331,722,160
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		152,719,190,450	155,784,783,516
12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	431		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,453,564,357,069	6,210,996,765,989

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2017


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

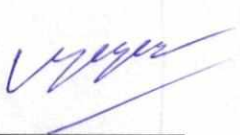
Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

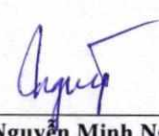
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2016**

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	260,829,510,691	260,534,254,395	877,076,403,653	942,347,581,720
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	260,829,510,691	260,534,254,395	877,076,403,653	942,347,581,720
4	Giá vốn hàng bán	211,134,168,523	209,342,447,599	755,343,002,313	840,406,192,267
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49,695,342,168	51,191,806,796	121,733,401,340	101,941,389,453
6	Doanh thu hoạt động tài chính	72,301,573,899	66,350,297,447	370,862,333,234	333,453,944,774
7	Chi phí tài chính	93,790,259,480	38,711,700,552	231,989,116,053	186,142,396,134
	Trong đó :				
	- Chi phí lãi vay	24,698,507,878	17,643,963,399	77,931,765,360	71,263,340,085
8	Chi phí bán hàng	873,097,958	1,152,296,897	2,564,245,349	4,055,906,512
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	37,874,905,572	39,215,103,551	115,411,356,602	96,697,960,522
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(10,541,346,943)	38,463,003,243	142,631,016,570	148,499,071,059
11	Thu nhập khác	57,664,948,735	11,968,730,979	14,414,773,675	14,472,447,995
12	Chi phí khác	29,848,293	10,370,442	2,514,220,551	309,137,934
13	Lợi nhuận khác	57,635,100,442	11,958,360,537	11,900,553,124	14,163,310,061
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47,093,753,499	50,421,363,780	154,531,569,694	162,662,381,120
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,520,174,158	920,349,196	4,085,583,364	4,484,135,086
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(348,055,767)	2,401,613,993	(2,273,204,120)	2,393,462,518
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	44,921,635,108	47,099,400,591	152,719,190,450	155,784,783,516

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2017


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	154,531,569,694	162,662,381,120
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	76,215,038,212	68,734,327,103
- Các khoản dự phòng	03	131,810,530,620	(1,661,469,787)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	13,668,323,754	87,060,505,101
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(373,214,395,047)	(314,181,932,585)
- Chi phí lãi vay	06	77,931,765,360	71,263,340,085
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	80,942,832,593	73,877,151,037
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	59,998,943,708	77,393,515,280
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	301,063,089	9,793,332,433
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	52,624,284,761	(938,236,334)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(8,520,353,081)	(9,879,278,918)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(1,036,455,585)	3,152,363,638
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7,309,917,067)	(3,966,415,448)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36,131,640,457)	(22,412,546,286)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10,307,675,017)	(7,751,793,957)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	130,561,082,943	119,268,091,445
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(97,932,535,047)	(130,097,532,373)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	52,247,273,198	30,545,300,876
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(199,100,000,000)	(96,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	157,770,000,000	355,659,320,000

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(918,434,703,750)	(578,350,464,096)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	4,382,494,721	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	596,495,400,200	321,887,864,379
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(402,754,797,951)	(96,355,511,214)

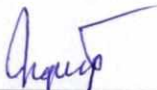
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	34,840,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	259,779,139,586	138,596,333,482
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(32,652,155,252)	(147,847,067,968)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(12,540,424,527)	(5,115,405,176)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(239,243,481,000)	(239,246,781,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(24,656,921,193)	(218,772,920,662)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(298,667,908,928)	(195,860,340,431)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	372,600,229,370	568,365,071,697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	392,698,709	95,498,104
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	74,325,019,151	372,600,229,370

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2017



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 4 NĂM 2016**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
 - Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép; cảng Gemadept Hoa Sen và cảng Nam Đình Vũ.
 - Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không...
 - Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
 - Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Trong kỳ, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 1.196.219.940.000 đồng lên 1.794.322.810.000 đồng từ việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết số 076/GMD-ĐHĐCĐ ngày 26/05/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 65/GMD – 2016 ngày 11 tháng 5 năm 2016.

Trong kỳ, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số 201600094 ngày 28 tháng 01 năm 2016; Công ty cổ phần Cảng Nam Đình Vũ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201741248 cấp ngày 06 tháng 09 năm 2016 đồng thời Công ty tiếp tục đầu tư thêm vào Công ty TNHH Cảng Phước Long, Công ty TNHH Tiếp vận “K”Line-Gemadept, Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương.

Trong kỳ, Công ty thoái toàn bộ vốn góp vào Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam theo thông báo số 66277/16 ngày 07 tháng 10 năm 2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết (Xem thuyết minh số V.2b)

Các Đơn vị trực thuộc và chi nhánh

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	39 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	80-82-84 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Campuchia	193C đại lộ Mao Tse Toung, Phường Beung Traback, Quận Chamkarmon, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty có 272 nhân viên đang làm việc (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 294 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Quý 4 năm 2016 bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho quý bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán. Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quý từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc quý. Trường hợp tại ngày kết thúc quý thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc quý.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, quý phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong quý và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nguyên nhiên liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí trang trí nội thất

Chi phí trang trí nội thất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa tài sản

Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc quý.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc quý và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc quý và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.261.112.491	3.333.085.934
Tiền gửi ngân hàng	65.127.397.348	49.787.428.379
Tiền đang chuyển	936.509.312	2.975.631.724
Các khoản tương đương tiền (<i>tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	5.000.000.000	316.504.083.333
Cộng	74.325.019.151	372.600.229.370

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân	94.971.030.000	33.586.094.400	(61.384.935.600)	94.971.030.000	46.180.879.800	(48.790.150.200)
Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.488.264.362	15.053.803.500	(16.434.460.862)	31.488.264.362	13.854.828.000	(17.633.436.362)
Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	361.364.000	(13.872.957.100)	14.234.321.100	677.557.500	(13.556.763.600)
Các cổ phiếu khác	2.065.039.165	2.218.072.200	(253.990)	1.028.583.580	1.267.042.800	(268.440)
Cộng	142.758.654.627	51.219.334.100	(91.692.607.552)	141.722.199.042	61.980.308.100	(79.980.618.602)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực Góp		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	81,60	81,60	41.730.000.000	41.730.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	35.000.000.000	35.000.000.000
Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd	100,00	100,00	15.206.200.000	15.206.200.000
Gemadept (S) Pte Ltd	100,00	100,00	15.207.300.000	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	3,35	2.343.651.753	2.343.651.753
Công ty TNHH cảng Phước Long ⁽ⁱ⁾	100,00	100,00	200.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000	1.637.304.000
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	100,00	100,00	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty cổ phần Gemadept Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	70.866.282.735	70.866.282.735
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000	60.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên công ty con	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực Góp		
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310	23.924.332.310
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	46,00	46,00	27.600.000.000	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải ⁽ⁱⁱⁱ⁾	99,98	99,98	424.383.000.000	424.383.000.000
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng	100,00	21,82	2.182.000.000	2.182.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	100,00	1.000.000.000	500.000.000
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương	100,00	13,62	81.700.000.000	81.700.000.000
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	100,00	586.721.892.380	522.325.628.630
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	74,60	790.482.100.000	745.547.100.000
Công ty cổ phần Niềm kiêu hãnh Thái Bình Dương ^(v)	100,00	9,17	55.647.500.000	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	84,66	84,66	338.625.450.000	338.625.450.000
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương	100,00	10,00	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần Logistics Nam Hải	65,00	65,00	78.000.000.000	78.000.000.000
Công ty cổ phần Cảng Nam Đình Vũ ^(vi)	60,00	60,00	360.000.000.000	-
Cộng			3.483.957.013.178	2.858.478.249.428

(i) Tăng do góp vốn bổ sung.

(ii) Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

(iii) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay dài hạn (xem thuyết minh số V.21b).

(iv) Tăng do góp vốn bổ sung.

(v) Trong kỳ, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Niềm kiêu hãnh Thái Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số 201600094 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 28/01/2016.

(vi) Trong kỳ, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Cảng Nam Đình Vũ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201741248 cấp ngày 06/09/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	45,00	45,00	62.538.064.097	62.538.064.097
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000	9.642.000.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam ⁽ⁱ⁾	49,00	49,00	-	5.110.700.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	11,43	18.754.608.143	18.754.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,03	38,03	23.236.200.000	23.236.200.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	34,55	34,55	393.773.440.000	141.250.000.000
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link	41,67	41,67	834.150.000.000	834.150.000.000
Công ty TNHH Golden Globe	40,00	40,00	89.355.403.136	89.355.403.136
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept ⁽ⁱⁱⁱ⁾	50,00	50,00	46.756.500.000	6.324.000.000
Cộng			1.528.031.495.376	1.240.186.255.376

⁽ⁱ⁾ Giảm do thoái vốn⁽ⁱⁱ⁾ Tăng vốn do đầu tư thêm⁽ⁱⁱⁱ⁾ Tăng do góp vốn bổ sung**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nghân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải	165.581.032.000	165.581.032.000
Công ty TNHH CJ Việt Nam	140.415.300.000	140.415.300.000
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam	15.876.000.000	15.876.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	326.872.332.000	326.872.332.000

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(113.572.432.000)	(113.572.432.000)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(153.569.094.642)	(66.766.361.565)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(88.337.113.830)	(55.905.271.935)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	(3.701.869.663)	(3.139.594.033)
Cộng	(359.180.510.135)	(239.383.659.533)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết**

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất		
Lãi cho vay	-	1.136.048.611
Lợi nhuận được chia	-	9.987.284.157
Chi phí dịch vụ	17.108.426	-
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Góp vốn	-	27.500.000.000
Lợi nhuận được chia	-	754.000.000
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.		
Chi phí dịch vụ đại lý	377.230.487	538.526.124
Cổ tức được chia	4.478.000.000	-
Gemadept (S) Pte. Ltd.		
Chi hộ	16.850.966.419	21.546.221.442
Chi phí dịch vụ	60.073.650.000	52.754.190.562
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Cho vay	79.000.000.000	85.000.000.000
Doanh thu cho thuê tài sản	74.448.818.175	52.642.727.252
Chi phí dịch vụ	27.613.860.684	13.621.543.374
Chi hộ	1.555.438.275	198.600.880
Doanh thu dịch vụ	38.642.605.000	10.461.327.495
Lãi cho vay	1.686.163.889	3.505.794.446
Lợi nhuận được chia	9.000.000.000	11.600.000.000
Góp vốn	100.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept		
Lợi nhuận được chia	44.000.000.000	59.000.000.000
Góp vốn	-	120.000.000.000
Chi hộ	6.331.500.224	3.392.246.888
Lãi cho vay	51.111.111	1.817.451.205
Doanh thu dịch vụ	24.570.719.651	19.247.129.212
Chi phí dịch vụ	550.181.817	54.711.364.675
Thu hộ	21.343.673.165	-
Cho vay	25.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Doanh thu dịch vụ	68.822.487.127	73.059.979.514

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ	69.023.631.522	64.859.334.557
Chi hộ	180.136.095	50.304.178
Lợi nhuận được chia	6.000.000.000	9.000.000.000
Doanh thu cho thuê tài sản	17.857.454.545	-
<i>Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ</i>		
Doanh thu cho thuê tài sản	4.320.000.000	4.320.000.000
Cổ tức được chia	-	9.025.200.000
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Cổ tức được chia	100.000.000.000	186.570.599.059
Doanh thu dịch vụ	4.800.000.000	5.146.349.798
Chi phí dịch vụ	1.727.758.068	1.516.204.822
<i>Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	1.394.179.800	363.096.000
Góp vốn	-	4.200.000.000
<i>Công ty TNHH dịch vụ tín học Vĩ Tín</i>		
Chi phí dịch vụ	1.418.181.818	1.380.000.000
Chi hộ	1.459.251.057	-
<i>Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	64.396.263.750	141.560.000.000
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link</i>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	264.000.000	283.350.000
Lãi vay	1.247.561.869	1.224.433.344
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Lãi cho vay	-	3.092.599.443
Chi phí dịch vụ	1.741.093.855	1.434.245.509
Doanh thu dịch vụ	16.363.636.364	10.636.363.631
Cổ tức được chia	152.381.452.500	-
Chi phí lãi vay	3.570.138.892	-
Vay	100.000.000.000	-
<i>Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn</i>		
Chi phí dịch vụ	179.995.173	95.676.382
Cổ tức được chia	35.312.500.000	5.650.000.000
<i>Công ty cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	44.935.000.000	175.680.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu</i>		
Cổ tức được chia	1.253.460.000	1.253.460.000
<i>Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	210.128.624	244.104.095
<i>Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept</i>		
Doanh thu dịch vụ	320.325.366	307.209.750
Thu hộ	-	75.000.000
Góp vốn	40.432.500.000	5.324.000.000
Cho vay	4.500.000.000	-
Lãi cho vay	15.000.000	-
Ký quỹ	72.304.500	72.304.500
<i>Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm</i>		
Cho vay	3.600.000.000	-
Lãi cho vay	906.333.333	-
<i>Công ty TNHH ISS Gemadept</i>		
Doanh thu dịch vụ	7.973.286	141.199.962
Chi hộ		43.352.400
<i>Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	-	1.000.000.000
Doanh thu dịch vụ	32.643.471.610	3.819.762.893
<i>Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam</i>		
Doanh thu dịch vụ	198.000.000	275.459.000
<i>Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm</i>		
Cổ tức được chia	259.001.900	209.126.000
<i>Công ty Golden Globe Co., Ltd</i>		
Góp vốn	-	5.610.000.000
Chi hộ	18.000.000	-
<i>Công ty cổ phần Logistics Nam Hải</i>		
Góp vốn	-	78.000.000.000
Lãi cho vay	847.477.778	-
Cho vay	47.000.000.000	-
Doanh thu dịch vụ	263.859.818	

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần Cảng Nam Đình Vũ</i>		
Góp vốn	360.000.000.000	-
<i>Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Điện lực</i>		
Cổ tức được chia	1.394.179.800	1.251.180.000
<i>Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng</i>		
Góp vốn	-	19.776.464.097
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	237.638.661.143	201.796.755.008
<i>Gemadept (S) Pte, Ltd.</i>	118.182.191.539	129.714.795.929
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>	69.785.015.201	39.006.272.049
Các bên liên quan khác	49.671.454.403	33.075.687.030
Phải thu các khách hàng khác	117.432.444.339	98.250.286.545
Cộng	355.071.105.482	300.047.041.553
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	5.900.000.090	13.791.398.392
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>	5.900.000.090	9.561.825.978
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept</i>	-	4.229.572.414
Trả trước cho người bán khác	49.582.459.964	88.133.620.335
<i>Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ Đất Việt</i>	164.000.000	19.928.394.000
<i>Công ty TNHH sản xuất – thương mại Huy Hiến</i>	-	13.728.484.429
<i>Reefertec</i>	447.392.820	-
<i>SMARTZ PTE LTD</i>	1.226.605.762	-
Các nhà cung cấp khác	47.744.461.382	54.476.741.906
Cộng	55.482.460.054	101.925.018.727
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các bên liên quan	48.730.000.000	27.400.000.000
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>	-	27.400.000.000
Các bên liên quan khác	48.730.000.000	-
Các tổ chức khác vay	20.000.000.000	-
Cộng	68.730.000.000	27.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác		
6a. Phải thu ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	264.422.984.040	504.917.949.019

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương – Các khoản chi hệ dự án cao su</i>	102.522.379.519	108.211.014.536
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – Lợi nhuận được chia và các khoản chi hệ</i>	44.159.006	181.240.319.384
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải – Cổ tức được chia</i>	-	60.000.000.000
<i>Gemadept (S) Pte. Ltd. – Các khoản chi hệ</i>	109.085.717.159	99.307.530.261
<i>Các bên liên quan khác</i>	52.770.728.356	56.159.084.838
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	52.806.931.664	84.392.871.649
<i>Tạm ứng</i>	47.380.999.664	39.968.465.285
<i>Các khoản chi hệ để thực hiện dịch vụ đại lý</i>	4.840.719.932	20.147.931.973
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>	585.212.068	24.276.474.391
Cộng	317.229.915.704	589.310.820.668

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	45.440.000.000	44.840.000.000
<i>Gemadept (S) Pte. Ltd. – Ký quỹ thuê tàu</i>	45.440.000.000	44.840.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	44.670.643.300	44.435.632.500
<i>Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân</i>	19.000.000.000	19.000.000.000
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics</i>	18.000.000.000	18.000.000.000
<i>Các khoản ký quỹ</i>	7.670.643.300	7.435.632.500
Cộng	90.110.643.300	89.275.632.500

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(6.793.794.310)	-	(6.793.794.310)
Dự phòng thêm	(301.691.068)	-	(301.691.068)
Số cuối kỳ	(7.095.485.378)	-	(7.095.485.378)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nhiên liệu trên tàu	11.474.732.064	-	7.611.440.598	-
Hàng hóa	2.335.414.813	-	6.499.769.368	-
Cộng	13.810.146.877	-	14.111.209.966	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	689.789.133	996.411.349
Chi phí vật tư	1.223.105.555	494.585.139
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	667.496.696	449.909.342
Cộng	2.580.391.384	1.940.905.830

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi thuê tài chính container	14.531.883.251	8.567.561.720
Chi phí sửa chữa tài sản	7.516.342.650	5.309.441.142
Các chi phí trả trước dài hạn khác	850.797.116	1.141.152.628
Cộng	22.899.023.017	15.018.155.490

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.281.263.332	105.763.617.002	888.101.281.729	7.242.771.721	1.008.388.933.784
Tăng trong kỳ	-	96.363.636	128.296.558.006	130.863.636	128.523.785.278
Giảm trong kỳ	(1.229.359.200)	(21.288.229.307)	(431.554.723.759)	-	(454.072.312.266)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	38.245.152	1.887.000	40.132.152
Số cuối kỳ	6.051.904.132	84.571.751.331	584.881.361.128	7.375.522.357	682.880.538.948
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.229.769.682	102.287.748.271	526.145.479.739	7.216.260.656	641.879.258.348
Tăng trong kỳ	343.963.559	700.447.152	62.438.063.526	25.080.021	63.507.554.258
Giảm trong kỳ	(1.208.232.600)	(21.288.229.307)	(308.283.847.785)	-	(330.780.309.692)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	11.371.080	1.948.176	13.319.256
Số cuối kỳ	5.365.500.641	81.699.966.116	280.311.066.560	7.243.288.853	374.619.822.170
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.051.493.650	3.475.868.731	361.955.801.990	26.511.065	366.509.675.436
Số cuối kỳ	686.403.491	2.871.785.215	304.570.294.568	132.233.504	308.260.716.778

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 160.938.194.924 VND và 111.450.693.613 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn (xem thuyết minh số V.21b).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	31.462.733.435
Tăng (giảm) trong kỳ	30.094.901.793
Số cuối kỳ	61.557.635.228
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	4.631.036.870
Tăng (giảm) trong kỳ	7.693.429.661
Số cuối kỳ	12.324.466.531
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	26.831.696.565
Số cuối kỳ	49.233.168.697

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
Tăng khác	531.846.600	-	531.846.600
Thanh lý, nhượng bán	(510.720.000)	-	(510.720.000)
Số cuối kỳ	1.271.530.010	10.208.082.743	11.479.612.753
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	8.171.692.788	8.171.692.788
Khấu hao trong kỳ	-	384.117.740	384.117.740
Số cuối kỳ	-	8.555.810.528	8.555.810.528
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.250.403.410	2.036.389.955	3.286.793.365
Số cuối kỳ	1.271.530.010	1.652.272.215	2.923.802.225

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Phần mềm GSS	630.000.000	-	-	630.000.000
Phần mềm Oracle	6.493.714.058	3.307.196.380	-	9.800.910.438
Chi phí mua cầu, xe nâng, xe đầu kéo, romoc	31.679.789.600	74.645.986.066	(74.645.986.066)	31.679.789.600
Chi phí khác	2.465.568.182	20.584.986.311	(22.990.554.493)	60.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Cộng	41.269.071.840	98.538.168.757	(97.636.540.559)	42.170.700.038

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	10.505.906.857	19.707.203.376
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	9.388.155.463	16.058.102.740
Các bên liên quan khác	1.117.751.394	3.649.100.636
Phải trả các nhà cung cấp khác	59.366.492.168	57.060.532.361
Phnom Penh Autonomous Port	18.047.317.033	9.271.312.848
Các nhà cung cấp khác	41.319.175.135	47.789.219.513
Cộng	69.872.399.025	76.767.735.737

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các bên liên quan trả tiền trước	9.932.800.000	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	9.932.800.000	-
Các khách hàng khác trả tiền trước	5.680.681.003	8.330.376.271
Công ty TNHH Express Trains Ath	-	1.750.000.000
Sea Consortium Pte Ltd	-	3.981.636.890
Hyundai Logistics (Singapore) Pte., Ltd	1.776.278.048	865.995.817
Các khách hàng khác	3.904.402.955	1.732.743.564
Cộng	15.613.481.003	8.330.376.271

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**17a. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước tại Việt Nam**

- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	Số đầu năm	Số được khấu trừ trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT được khấu trừ	3.356.747.537	47.578.855.695	(41.893.717.333)	9.041.885.899
Cộng	3.356.747.537	47.578.855.695	(41.893.717.333)	9.041.885.899

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT phải thu	3.040.540.898	-	3.040.540.898
Các loại thuế khác	1.688.185.077	150.701.554	1.838.886.631

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	481.646.564	150.701.554	632.348.118
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS</i>	892.174.402	-	892.174.402
<i>Thuế môn bài</i>	900.000	-	900.000
<i>Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác</i>	313.464.111	-	313.464.111
Cộng	4.728.725.975	150.701.554	4.879.427.529

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT phải nộp	-	7.391.737.718	(1.284.192.260)	6.107.545.458
Thuế xuất, nhập khẩu	-	147.069.889	(147.069.889)	-
Thuế thu nhập cá nhân	69.291.041	11.670.350.778	(11.430.431.879)	309.209.940
Thuế GTGT nhà thầu	407.495.008	5.690.119.573	(5.915.841.853)	181.772.728
Thuế TNDN nhà thầu	78.632.186	5.977.761.306	(5.636.059.798)	420.333.694
Cộng	555.418.235	30.877.039.264	(24.413.595.679)	7.018.861.820

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII quý họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17b. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước tại Campuchia**

- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số được khấu trừ trong kỳ</u>	<u>Số đã khấu trừ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT được khấu trừ	-	1.661.781.301	(1.661.781.301)	-
Cộng	-	1.661.781.301	(1.661.781.301)	-

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.778.503	490.320.002	(488.484.920)	167.613.585
Cộng	165.778.503	490.320.002	(488.484.920)	167.613.585

18. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	5.058.326.384	3.760.666.699
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay phải trả	5.058.326.384	3.760.666.699
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	226.541.693.289	158.445.489.037
Chi phí lãi vay phải trả	213.218.682.095	145.070.255.864
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	13.323.011.194	13.375.233.173
Cộng	231.600.019.673	162.206.155.736

20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	75.415.262.836	26.632.484.708
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Các khoản thu hộ và phải trả khác	4.325.911.893	4.325.911.893
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – Phải trả tiền hỗ trợ vốn	5.895.839.422	10.293.585.975
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương – Phải trả tiền hỗ trợ vốn	3.477.871.551	6.537.335.653
Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng – Phải trả tiền hỗ trợ vốn	2.142.000.000	2.142.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept – Các khoản thu hộ và phải trả khác	1.920.884.393	1.920.884.393
Gemadept (S) Pte. Ltd. – Các khoản thu hộ	-	427.091.350
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd. – Các khoản thu hộ	525.807.715	969.622.819

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – Khác</i>	27.126.947.862	16.052.625
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>	30.000.000.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	12.896.829.728	25.663.253.823
<i>Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý</i>	678.704.681	20.943.331.095
<i>Cổ tức phải trả</i>	194.692.350	194.185.350
<i>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>	12.023.432.697	4.525.737.378
Cộng	88.312.092.564	52.295.738.531

20b. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ dài hạn.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	345.422.009.258	242.195.602.360
<i>Vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng</i>	245.422.009.258	242.195.602.360
<i>Vay Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>	100.000.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	36.057.327.655	39.960.208.280
<i>Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam</i>	-	22.966.355.252
<i>Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế</i>	5.479.139.586	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	15.719.133.334	9.685.800.000
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	14.859.054.735	7.308.053.028
Cộng	381.479.336.913	282.155.810.640

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	174.902.616.666	36.321.750.000
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn⁽ⁱ⁾</i>	26.635.950.000	36.321.750.000
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn⁽ⁱⁱ⁾</i>	48.266.666.666	-
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn</i>	100.000.000.000	-
<i>Vay dài hạn tổ chức khác</i>	912.800.000.000	900.800.000.000
<i>Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II. L.P⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	912.800.000.000	900.800.000.000
<i>Nợ thuê tài chính</i>	54.052.725.812	29.937.132.476
<i>Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC</i>	54.052.725.812	29.937.132.476
Cộng	1.141.755.342.478	967.058.882.476

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để phục vụ hoạt động kinh doanh với thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải (xem thuyết minh số V.10).
- (iii) Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II. L.P, theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:
- | | | |
|------------------|---|--|
| Hạn mức vay | : | 40.000.000.00 USD |
| Thời gian ân hạn | : | 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ. |
| Trả gốc | : | Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ. Bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty. |
| Lãi suất | : | Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm. |
| Mục đích vay | : | Giải ngân đầu tư cho các dự án phát triển cảng, phát triển dịch vụ logistics, mua sắm phương tiện vận tải, thiết bị xếp dỡ và dự án trồng rừng tại Campuchia. |
| Tài sản đảm bảo | : | Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99.98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;- Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải. |

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty bao gồm: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ Hội đồng quản trị.

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	10.859.339.931	12.251.562.999
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(1.392.223.068)	(1.392.223.068)
Số cuối kỳ	9.467.116.863	10.859.339.931

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****25. Vốn chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của chủ sở hữu	1.794.322.810.000	1.196.219.940.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.873.371.604.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	69.388.382.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(346.750.858)	(432.646.448)
Quỹ đầu tư phát triển	72.682.100.796	52.564.113.317
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	69.568.035.889	49.450.048.410
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	529.268.097.663	720.116.505.676
Cộng	4.408.254.280.792	4.558.780.818.257

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	179.432.281	119.621.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	179.432.281	119.621.994
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	179.432.281	119.621.994
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	179.432.281	119.621.994
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	179.432.281	119.621.994
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý....	877.076.403.653	942.347.581.720
Cộng	877.076.403.653	942.347.581.720

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý...	755.343.002.313	840.406.192.267
Cộng	755.343.002.313	840.406.192.267

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	6.401.736.504	11.231.418.534
Lãi tiền cho vay	3.714.935.000	9.613.004.816
Cổ tức, lợi nhuận được chia	356.130.465.200	295.608.490.216
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.471.393.409	16.512.217.677
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.143.803.121	488.813.531
Cộng	370.862.333.234	333.453.944.774

4. Chi phí tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	77.931.765.360	71.263.340.085
Lỗ chênh lệch tỷ giá	21.087.585.057	105.359.415.516
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư tài chính	131.508.839.552	9.378.141.214
Chi phí tài chính khác	1.460.926.084	141.499.319
Cộng	231.989.116.053	186.142.396.134

5. **Chi phí bán hàng**
Chi phí hoa hồng môi giới, chi phí khác cho hoạt động bán hàng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	51.826.987.470	50.029.687.403
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.431.000.992	1.459.172.325
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.879.044.599	4.251.962.921
Chi phí thuê văn phòng	26.291.887.395	24.087.929.636
Chi phí khác	31.982.436.146	16.869.208.237
Cộng	115.411.356.602	96.697.960.522

7. Thu nhập khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	13.445.296.762	8.960.437.553
Thu nhập khác	969.476.913	5.512.010.442
Cộng	14.414.773.675	14.472.447.995

8. Chi phí khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí khác	2.514.220.551	309.137.934
Cộng	2.514.220.551	309.137.934

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.339.767.224	198.615.799.642
Chi phí nhân công	93.049.561.883	104.102.350.885
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.215.038.212	68.734.327.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	528.146.919.022	563.522.525.036
Chi phí khác	33.567.317.923	6.185.056.635
Cộng	873.318.604.264	941.160.059.301

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2017

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc